

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1- QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2026/HNGĐ-ST
Ngày 11-3-2026
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Như

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà

Bà Nguyễn Thị Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Chi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1- Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1976, nơi cư trú: Thôn L, xã T, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: Ông Võ Ngọc H, sinh năm 1970, nơi cư trú: Thôn C, xã A, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/9/2025 và các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị T và ông Võ Ngọc H tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2001 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sống chung với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính cách đối lập, nên thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng hơn. Từ năm 2007 đến nay đã sống ly thân, hiện tại hai bên xác định không còn tình cảm và không còn chung sống với nhau. Vì vậy, bà T yêu cầu Tòa án không công nhận bà Phạm Thị T và ông Võ Ngọc H là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Bà Phạm Thị T và ông Võ Ngọc H có 01 người con chung là Võ Ngọc T1, sinh ngày 16/01/2003. Cháu T1 đã thành niên có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Tại đơn trình bày đề ngày 15/12/2025, bị đơn ông Võ Ngọc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Ngọc H và bà Phạm Thị T chung sống với nhau từ năm 2001 nhưng không đăng ký kết hôn. Hiện nay ông và bà T không còn chung sống với nhau. Nay bà T yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà T thì ông đồng ý.

Về con chung: Có 01 người con chung là Võ Ngọc T1, sinh ngày 16/01/2003. Cháu T1 đã thành niên có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát khu vực 1- Quảng Ngãi:

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo được quyền lợi của các đương sự trong vụ án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, 35, Điều 68, khoản 4 Điều 147 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Phạm Thị T và ông Võ Ngọc H là vợ chồng. Về con chung, tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Phạm Thị T và bị đơn ông Võ Ngọc H vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị T và ông Võ Ngọc H đều trình bày cả hai tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau từ năm 2001,

quá trình sống chung có một người con là cháu Võ Ngọc T1, sinh ngày 16/01/2003 nhưng không đăng ký kết hôn. Theo văn bản số 244/UBND ngày 03/02/2026 của Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Quảng Ngãi và văn bản số 1339/UBND- NC ngày 30/10/2025 của Ủy ban nhân dân xã A đều cung cấp: Bà Phạm Thị T và ông Võ Ngọc H không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T và Ủy ban nhân dân xã A (Bút lục 21 và 24). Như vậy, có cơ sở xác định bà Phạm Thị T và ông Võ Ngọc H chung sống với nhau từ năm 2001 nhưng không đăng ký kết hôn. Tại khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: Nam nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó quan hệ hôn nhân của bà Phạm Thị T và ông Võ Ngọc H không được pháp luật công nhận. Nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Về con chung: Có 01 người con chung là Võ Ngọc T1, sinh ngày 16/01/2003. Cháu T1 đã thành niên có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Phạm Thị T và ông Võ Ngọc H đều trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết

[2.4] Về nợ chung: Bà Phạm Thị T và ông Võ Ngọc H đều trình bày không có.

[3] Về án phí: Bà Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp.

[4] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Quảng Ngãi về thủ tục tố tụng và nội dung là phù hợp với nhận định đã nêu của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị T

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Phạm Thị T và ông Võ Ngọc H là vợ chồng.

- Về con chung: Có 01 người con chung là Võ Ngọc T1, sinh ngày 16/01/2003. Cháu T1 đã thành niên có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Phạm Thị T và ông Võ Ngọc H đều trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Bà Phạm Thị T và ông Võ Ngọc H đều trình bày không có.

- Về án phí: Bà Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001515 ngày 15/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 1- Quảng Ngãi;
- Phòng THADS khu vực 1- Quảng Ngãi;
- UBND xã Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND xã An Phú, tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Như

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- UBND p. Nguyễn Nghiêm, tp Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Như